

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HS-ST

Ngày: 06/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Minh và bà Nguyễn Thị Minh Trâm (Giáo viên)

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đào Nhã Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2018/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/HSST-QĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

1.Họ và tên: **TRẦN QUỐC D**, sinh năm 1984 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Trần Quốc V, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962; Có vợ là Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 1984 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 05 năm tù về tội “cố ý gây thương tích” tại Bản án số 08/2003/HSST ngày 13/3/2003; bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 14/2013/HSST ngày 13/8/2013, chấp hành xong án phạt tù ngày 14/02/2014; bị Công an huyện Ninh sơn khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 14/6/2018; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/5/2018 và hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an TP. Phan Rang – Tháp Chàm (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2.Họ và tên: **TRẦN QUỐC L**, sinh năm 1986 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: PT 3, P S, NP, tỉnh Ninh Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Trần Quốc V, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962; Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 1990 và 04 người con, lớn nhất sinh năm

2007, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xử phạt 14 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 04/2007/HSST ngày 08/8/2007; bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 14/2013/HSST ngày 13/8/2013, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2014; bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 18/2015/HSST ngày 27/7/2015, chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2016; bị Công an huyện Ninh Sơn khởi tố về tội “ Trộm cắp tài sản” vào ngày 27/7/2018; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/5/2018 và hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an TP. Phan Rang – Tháp Chàm (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3.Họ và tên: **NGUYỄN HOÀNG TR**, sinh năm 1995 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: PT 2, xã P, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M Thu, sinh năm 1962; Tiền sự: không; Tiền án: không; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 239/2011/HSST ngày 13/9/2011, chấp hành xong ngày 28/4/2012; bị Công an huyện Ninh Sơn khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” vào ngày 27/10/2018; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/5/2018 và hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an TP. Phan Rang – Tháp Chàm (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4.Họ và tên: **NGUYỄN THẾ PH**, sinh ngày 07/02/1998 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: Ph 1, xã PV, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: bị Công an huyện Ninh Sơn khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” vào ngày 08/8/2018; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/8/2018 trong một vụ án khác, ngày 17/10/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5.Họ và tên: **TRẦN MINH T**, sinh ngày 10/3/2002 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: Ph 1, xã P V, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trần H, sinh năm 1966 và bà Trần Thị H, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6.Họ và tên: **BÙI THẢO H (Na)**, sinh ngày 24/11/2001 tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: N 2, xã P S, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1975 và bà Phạm Hồ Duy Ph, sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc L: ông Đỗ Thanh Long - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thảo H: Bà Nguyễn Minh Hà – Luật sư Văn phòng luật sư Duy Phước thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận(có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T: bà Đinh Thị Nhì - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Thuận(có mặt).

* Đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Thảo H: Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1975 và bà Phạm Hồ Duy Ph, sinh năm 1982 (là cha, mẹ ruột của bị cáo), (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: N 2, xã P S, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận.

* Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Minh T: Ông Trần H, sinh năm 1966 và bà Trần Thị H, sinh năm 1969 (là cha, mẹ ruột của bị cáo), (có mặt).

Cùng địa chỉ: P1, xã P V, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận.

* Người bị hại:

- Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Anh Nguyễn Quốc O, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần H, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: PA 1, xã PV, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: P A2, xã PV, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bản Cáo trạng: Trần Quốc D cùng đồng bọn là những đối tượng lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cùng nhau trộm cắp và tiêu thụ nhiều xe mô tô trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Riêng trên địa bàn thành phố P, các bị cáo đã trộm cắp và tiêu thụ 02 xe mô tô. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào ngày 05/5/2018, Trần Quốc D rủ em trai là Trần Quốc L đi trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài, L đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, D chuẩn bị 01 vạm phá khóa và điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đỏ-đen, BKS: 85D1-005.49 của D đến đưa xe cho L chở để tiện cho việc D phá khóa lấy trộm xe. Khoảng 16 giờ cùng ngày, cả hai phát hiện 01 xe Sirius, màu đỏ-đen, BKS: 85B1-150.04 của anh Phan Văn Đ đang dựng trước cửa nhà, không có người trông coi. Lam dừng xe cách chiếc xe nói trên khoảng 05m, D đi đến, dùng vạm phá khóa, nổ máy và chạy về nhà L. D phá khóa cướp xe, lục lấy trong cướp xe 20 USD (loại mệnh giá 1USD), còn giấy tờ thì vứt ở góc sân nhà L. Sau đó D gọi cho Nguyễn Hoàng Tr nhờ Tr bán dùm chiếc xe vừa trộm được. Mặc dù biết là xe do trộm cắp mà có nhưng Tr vẫn gọi cho Nguyễn Thế Ph, nhờ Ph bán dùm chiếc xe nói trên. Mặc dù biết rõ xe do trộm cắp mà có nhưng Ph bán cho bà Nguyễn Thị C với giá 5.000.000^d (Năm triệu đồng). Khi mua xe bà C không biết chiếc xe này là do trộm

cấp mà có, thấy xe không có biển số nên bà C xin 01 biển số 62G1-042.84 gắn vào sử dụng. Số tiền bán xe được, Ph đưa cho Tr 4.300.000^d, giữ lại 700.000^d. Tr đưa lại cho D 3.500.000^d, Tr giữ lại 800.000^d. D chia cho L 1.500.000^d, còn D giữ 2.000.000^d. Tất cả tiêu xài cá nhân hết.

Vụ 2: Khoảng 21 giờ ngày 14/5/2018, L điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius, màu đỏ-đen, BKS: 85D1-005.49 chở D đi trộm cắp tài sản. Đến chợ Tháp Chàm cả hai phát hiện 01 xe Sirius màu đỏ đen, BKS: 85B1- 419.00 đang dựng trước nhà ông Nguyễn L, không có người trông coi (xe này là của anh Nguyễn Quốc O. L vòng xe lại bên hông nhà, dừng xe, D đi đến chỗ chiếc xe, dùng vạm phá khóa, rồi chạy xe về nhà L cất giấu. Khoảng 09 giờ ngày 15/5/2018, D gặp Tr và nói với Tr về việc mới lấy trộm được chiếc xe, nhờ Tr bán hộ. Mặc dù biết rõ xe do D mới trộm cắp được nhưng Tr vẫn đồng ý. Tr đưa xe nhờ Ph bán giúp. Mặc dù biết rõ xe do trộm cắp được nhưng Ph và bạn gái là Bùi Thảo H vẫn đồng ý và đem xe này đến nhà Trần Minh T để bán cho T. Mặc dù biết rõ xe do trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý mua. H và Ph dẫn T nhớ tháo biển số xe khi sử dụng để tránh bị phát hiện. T dẫn H và Ph đến gặp ông Trần H (là ba của T) thỏa thuận mua bán với H. T sợ ông H không đồng ý mua nên nói dối về nguồn gốc chiếc xe, H làm giấy tờ mua bán chiếc xe nói trên với giá 4.800.000^d. Ph đưa cho Tr 4.000.000^d, Ph giữ lại 800.000^d. Tr đưa cho D 3.200.000^d, Tr giữ lại 800.000^d. D chia cho L 1.500.000^d, D giữ 1.700.000^d. Tất cả tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, từ ngày 05/05/2018 đến ngày 14/05/2018, Trần Quốc D và Trần Quốc L đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn phường B, lấy được 02 xe mô tô và 20 USD của anh Phan Văn Đ và anh Nguyễn Quốc O với tổng giá trị tài sản là: 28.437.040^d. Các bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H và Trần Minh T đã tiêu thụ tài sản do D và L trộm cắp được, thu lợi bất chính số tiền cụ thể như sau:

Tổng số tiền Trần Quốc D thu lợi bất chính là: 4.151.040^d (Vụ 1: 2.451.040^d, vụ 2: 1.700.000^d).

Tổng số tiền Trần Quốc L thu lợi bất chính là: 3.000.000^d (Vụ 1: 1.500.000^d g, vụ 2: 1.500.000^d).

Tổng số tiền Nguyễn Hoàng Tr thu lợi bất chính là: 1.600.000^d (Vụ 1: 800.000^d, vụ 2: 800.000^d).

Tổng số tiền Nguyễn Thế Ph thu lợi bất chính là: 1.500.000^d (Vụ 1: 700.000^d, vụ 2: 800.000^d).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại biên bản định giá tài sản số 37, 37a ngày 30, 31/05/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xác định chiếc xe mô tô của anh Phan Văn Đ có giá trị là 13.993.000^d và xe mô tô của anh Nguyễn Quốc O có giá trị là 13.993.000^d.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Ninh Thuận xác định 20USD vào ngày 05/5/2018 có giá trị là 451.040^d.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H, Trần Minh T hành vi cấu thành tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại Cáo trạng số 92/CT- VKSPR ngày 25/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm truy tố các bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H, Trần Minh T về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc D từ 18 đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Quốc L từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 điều 323; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 điều 323; điểm s, i khoản 1 điều 51; điều 65, điều 91, điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh T, Bùi Thảo H (Na) từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Vật chứng của vụ án:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu:

- + Phan Văn Đ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, số khung: RLCS5C640CY869173, số máy: 5C64869188, 01 biển kiểm soát xe mô tô: 85B1-150.04, 01 thẻ khách hàng thân thiết Co.op mart mang tên Phan Văn Đ

- + Nguyễn Quốc O: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius FI, màu đỏ-đen, gắn BKS: 85B1-419.00, số khung: Y001519, số máy: E3T6E004472.

Tịch thu tiêu hủy : 01 tuýp mở đai ốc số 8, hiệu SUN, bằng kim loại, màu đen; 01 đoạn kim loại dài 06cm, một đầu hình lục giác màu trắng, một đầu dẹt màu đen; 01 đoạn kim loại dài 05cm, một đầu hình lục giác màu trắng, một đầu dẹt màu đen; 01 đoạn kim loại dài 5,5cm, một đầu hình lục giác màu trắng, một đầu dẹt màu đen là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

- Đối với xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ-đen, gắn BKS: 85D1-005.49 mà D và L đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và 01 biển kiểm soát 62G1-042.84, hiện Cơ quan điều tra đang xác minh tìm nguồn gốc nên tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ, xử lý sau.

Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung công quỹ nhà nước như sau: Trần Quốc D giao nộp số tiền là: 1.700.000^d; Trần Quốc L giao nộp số tiền là: 1.500.000^d; Nguyễn Hoàng Tr giao nộp số tiền là: 800.000^d ; Nguyễn Thế Ph giao nộp số tiền là: 800.000^d.

Anh Nguyễn Quốc O và Anh Phan Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm. Anh Đ cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 20USD. Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền đã sử dụng để mua xe .

Đối với bà Nguyễn Thị C và ông Trần H, khi mua xe nhưng không biết những chiếc xe này do D cùng đồng bọn trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, đã tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm h, t khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên cho bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng điều 100 Bộ luật Hình sự phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Hiền.

Các bị cáo cùng nói lời sau cùng: “ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an Thành phố Phan rang – Tháp chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phan rang – Tháp chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L, Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H, Trần Minh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do muốn có tiền tiêu xài nên Trần Quốc D và Trần Quốc L đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự lợi lộng trong quản lý tài sản của chủ sở hữu thực hiện chiếm đoạt 0 xe mô tô hiệu Sirius BKS 85B1 – 150.04 và 20 USD của anh Phan Văn Đ và 01 mô tô hiệu Sirius BKS 85B1 –419.00 của anh Nguyễn Quốc O với tổng giá trị tài sản được định giá xác định 28.437.040^d (Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy

ngàn không trăm bốn mươi đồng). Mặc dù biết rõ 02 xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có, không có hứa hẹn, bàn bạc thỏa thuận trước nhưng Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H vẫn đồng ý bán giúp và Trần Minh T đã đồng ý thực hiện việc mua 01 xe mô tô do D và L trộm cắp được. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm truy tố các bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H, Trần Minh T bị truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là những người thực hành tích cực, hành vi của các bị cáo D, L thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo Tr, Ph, H, T xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, không những làm mất trật tự trị an tại địa phương mà còn gây tâm lý hoang mang trong cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính tự phát, không có sự câu kết chặt chẽ, các bị cáo đều trực tiếp tham gia thực hiện hành vi, mỗi bị cáo tham gia tích cực ở từng giai đoạn khác nhau. Vì vậy Hội đồng xét xử cần đánh giá tính chất, vai trò từng bị cáo để quyết định hình phạt cho tương xứng với hành vi.

Đối với bị cáo Trần Quốc D là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; bị cáo Trần Quốc L là người giúp sức tích cực, đứng cạnh giới cho bị cáo D lấy tài sản, song hành cùng bị cáo D cả 02 vụ, thể hiện sự tiếp nhận mục đích của nhau và cùng thống nhất ý chí - chính sự tham gia tích cực của bị cáo đã tác động giúp sức về tinh thần cho bị cáo D, vì vậy bị cáo phải chịu chung với bị cáo D về hậu quả của vụ án. Cả hai đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của hai bị cáo cao hơn so với các bị cáo còn lại và vai trò của bị cáo D tích cực hơn vì vậy bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo L.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph là người giúp sức tích cực, dẫn dắt, giới thiệu tìm chỗ bán giúp cho 02 lần tiêu thụ trót lọt tài sản D, L trộm cắp mà có, được hưởng lợi từ việc tiêu thụ. Xét hành vi, vai trò của bị cáo Tr nguy hiểm hơn và nhân thân bị cáo xấu nên mức hình phạt áp dụng cho bị cáo Tr sẽ cao hơn bị cáo Ph.

Đối với bị cáo Bùi Thảo H biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng tiếp nhận ý chí với bị cáo Ph, dẫn dắt, tìm chỗ bán, đứng ra làm giấy tờ mua bán giúp cho việc tiêu thụ, mặc dù không được hưởng lợi nhưng hành vi của bị cáo đã khuyến khích người khác đi vào con đường phạm tội. Xét vai trò hạn chế và hành vi ít nguy hiểm hơn, khi phạm tội bị cáo chỉ 16 năm 5 tháng 20 ngày tuổi nên mức hình phạt áp dụng cho bị cáo sẽ thấp hơn các bị cáo Tr và Ph.

Đối với bị cáo Trần Minh T do hám lợi đã thực hiện việc tiêu thụ, khuyến khích người khác đi vào con đường phạm tội, vai trò hạn chế hơn và hành vi ít

nguy hiểm hơn, khi phạm tội bị cáo chỉ 16 năm 02 tháng 04 ngày tuổi nên mức hình phạt áp dụng cho bị cáo thấp hơn các bị cáo Tr, Ph và ngang bằng với bị cáo H.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo D, L, Tr, Ph đã hai lần cùng thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng chung cho các bị cáo D, L, Tr, Ph, H, T như sau: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo D, L áp dụng thêm tình tiết tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo H, T được áp dụng thêm tình tiết “ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo L, H, T, Hội đồng xét xử xét: bị cáo L đã chiếm đoạt 02 lần, tài sản được định giá xác định 28.437.040^d (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi đồng*), mặc dù tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nhưng thiệt hại thực tế đã xảy ra và theo đơn trình báo mất tài sản của người bị hại Cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ chứ không phải do bị cáo chủ động tích cực; Hành vi của các bị cáo T, H xâm phạm khách thể là trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm quyền sở hữu, giá trị tài sản được định giá là 13.393.000^d (*Mười ba triệu ba trăm chín mươi ba ngàn đồng*), do đó không áp dụng cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của người bào chữa và không áp dụng điều 100 Bộ luật Hình sự phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo H để bảo đảm hiệu quả giáo dục, yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

Trên cơ sở căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét đến nhân thân các bị cáo D, L, Tr xấu đồng thời các bị cáo cùng bị cáo Ph đang bị khởi tố trong 1 vụ án khác, do đó xét cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, chấp hành hình phạt tù có thời hạn là cần thiết để răn đe, tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng chống tội phạm. Đối với bị cáo H và T, xét nhân thân hai bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, là người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, do đó cần áp dụng điều 91, 101 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo và không phải cách ly bị cáo H, T ra khỏi xã hội mà áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà cũng đủ để răn đe, tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 điều 173, khoản 5 điều 323 Bộ luật Hình sự các bị cáo còn có thể bị phạt tiền, tuy nhiên bị cáo H, T là người dưới 18 tuổi phạm tội; bị cáo D, L, Tr, Ph có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị C và ông Trần H, khi mua xe nhưng không biết những chiếc xe này do bị cáo D cùng đồng bọn trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự. Quan điểm xử lý của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đề cập đến.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Anh Phan Văn Đ đã nhận lại tài sản xe mô tô hiệu Sirius BKS 85B1 – 150.04; Nguyễn Quốc O nhận lại 01 mô tô hiệu Sirius BKS 85B1 –419.00 và không ai có yêu cầu gì khác nên không đề cập đến; Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền 5.000.000^d mua xe nên không đề cập đến.

[6] Biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 4.800.000^d bán xe hiệu Sirius BKS 85B1 –419.00 bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph là người được lợi 800.000^d không có căn cứ pháp luật nên truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 3.200.000^d (D 1.700.000^d, L 1.500.000^d) không phải là khoản các bị cáo D, L thu lợi bất chính mà đây là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, không ngay tình nên tài sản giao dịch bị tịch thu theo quy định tại các điều 123 và 131 của Bộ luật Dân sự.

[7] Xử lý vật chứng:

01 tuýp mở đai ốc số 8, hiệu SUN, bằng kim loại, màu đen; 03 đoạn kim loại có kích cỡ dài 5cm; 5,5cm; 6cm; có đặc điểm một đầu hình lục giác màu trắng, một đầu dẹt màu đen, là công cụ bị cáo D, L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ-đen, gắn BKS: 85D1-005.49 mà D và L đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và 01 biển kiểm soát 62G1-042.84, hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục tạm giữ theo biên bản ngày 30/5/2018 xác minh tìm nguồn gốc, xử lý sau; Quan điểm xử lý của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đề cập đến.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì các bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo L là cá nhân thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L.

- Khoản 1 điều 323; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Tr và Nguyễn Thế Ph.

- Khoản 1 điều 323; điểm s, i khoản 1 điều 51; điều 65; điều 91; điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Bùi Thảo H, Trần Minh T.

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015

- Điều 123 và 131 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điểm đ khoản 1 điều 12; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Các bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H (Na), Trần Minh T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc D 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 30/5/2018).

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc L 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 30/5/2018).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Tr 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 30/5/2018).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế Ph 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thảo H (Na) 06 (*Sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*Mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 06/11/2018).

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã PS, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 06 (*Sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*Mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 06/11/2018).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã P V, huyện N P, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 tuýp mở đai ốc số 8, hiệu SUN, bằng kim loại, màu đen; 03 đoạn kim loại có kích cỡ dài 5cm; 5,5cm; 6cm; có đặc điểm một đầu hình lục giác màu trắng, một đầu dẹt màu đen theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Phan rang – Tháp chàm cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan rang – Tháp chàm.

Biện pháp tư pháp:

Truy thu buộc các bị cáo Trần Quốc D, Trần Quốc L, Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph phải nộp lại số tiền 4.800.000^d (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng*) để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau: bị cáo D nộp số tiền 1.700.000^d (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*); bị cáo Trần Quốc L nộp số tiền 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*); các bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph mỗi bị cáo nộp lại số tiền 800.000^d (*Tám trăm ngàn đồng*).

Về án phí: Miễn khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Quốc L; Các bị cáo Trần Quốc D, Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Thế Ph, Bùi Thảo H (Na), Trần Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt - quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/11/2018). Ông Đ, bà C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Tứ, Hiền).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND T.P Phan rang- Tháp chàm;
- Công an T.P Phan rang- Tháp chàm;
- Sở tư pháp Ninh Thuận
- T.H.A hình sự, dân sự;
- Bị cáo, người bị hại; NLQ
- Người BC, Người ĐDHP
- Lưu Án văn; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang